VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
XUẤT BẢN LẦN THỨ 1-AMS

NGỌC SƠN

SHEET 6632 IV
SERIES L7014

CAO NGUYÊN RLANGDJIA

Scale Tỷ lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL – 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS – 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TRỢ: 10 MÉT

SPHEROID	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES); ZONE 48 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM	MEAN SEA LEVEL AT HA TIEN
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY	AMC(SE) U.S. ARMY, 1969
NAMES DATA BY	NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE, VIETNAM
CONTROL BY	USARPAC, DGS, VIETNAM, 69TH ENGR BN, SERVICE GEOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE
PRINTED BY	AMC, U.S. ARMY

NOTES CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
SỬA CẢI CHÚNG TA SẼ GỬI ĐẾN TRUNG BÂN ĐỒ BẢN ĐỒ QUỐC GIA, DALAT, VIETNAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
BAN VẠCH RANH GIỚI NỘI BỘ HÀNH CHÁNH CÁC NƠI CÓ THỂ SAI LỆCH

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY WHEN NO LONGER NEEDED

GLOSSARY — CỔ-TỰ

Cao Nguyên	plateau
D. Đa	stream
M. Núi	mountain
Mũi	promontory
X. Xóm	village
Y. Làng	hamlet

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH GIỚI CHÍNH

ADJOINING SHEETS
BẢN ĐỒ KỀ BÊN

6632 I	6632 II	6632 III
6633 I	6633 II	6633 III
6633 I	6633 II	6633 III

NGỌC SƠN, VIETNAM STOCK NO. L701466324